

Số: /BC-TKT

Kon Tum, ngày tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán năm 2021

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-SNV ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Sở Nội vụ về tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2021 tại Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc;

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-SNV về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2021 tại Sở Nội vụ và đơn vị trực thuộc Sở. Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán năm 2021 như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng và công tác thanh niên.

- Về tổ chức, bộ máy: Sở Nội vụ hiện có 06 đơn vị thuộc Sở¹ và Ban Tôn giáo trực thuộc Sở.

- Về biên chế: Tổng số công chức, người lao động được giao 64 biên chế (trong đó có 03 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP). Tổng số công chức hiện có mặt 59 người (trong đó 29 nam, 30 nữ; trình độ Đại học 48, Thạc sỹ 11), hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 03 người.

- Ngay từ đầu năm Sở Nội vụ đã tổ chức Hội nghị công chức, người lao động triển khai quán triệt quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công năm 2021, công

¹ (1) Phòng Công chức viên chức; (2) Phòng Xây dựng chính quyền và Tổ chức bộ máy; (3) Phòng Hành chính - Tổng hợp; (4) Phòng thi đua - Khen thưởng; (5) Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ; (6) Thanh tra Sở.

khai dự toán kinh phí được giao năm 2021, kế hoạch chi, dự kiến số tiết kiệm chi năm 2021,... cho toàn thể công chức, người lao động biết, thực hiện.

- Đối với các nguồn kinh phí không giao tự chủ, căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Sở thông báo công khai từng nội dung, kinh phí cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở xây dựng kế hoạch chi tiết để Lãnh đạo Sở phê duyệt và làm cơ sở để triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA

1. Kiểm tra về thu, chi ngân sách nhà nước

1.1. Thu ngân sách nhà nước cấp

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Số liệu báo cáo | Số liệu kiểm tra | Chênh lệch | Chi tiết từng đơn vị thuộc, trực thuộc | |
|----------|---|-------------------|-------------------|------------|--|------------------|
| | | | | | Phòng HC - TH Sở | Ban Tôn giáo |
| 1 | 2 | 3 | 4 =6+7 | 5=4-3 | 6 | 7 |
| I | Nguồn thu ngân sách nhà nước cấp | 24.705,044 | 24.705,044 | 0 | 21.927,800 | 2.777,244 |
| 1 | Kinh phí quản lý hành chính | 16.847,044 | 16.847,044 | 0 | 14.069,800 | 2.777,244 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 9.289,000 | 9.289,000 | | 7.738,000 | 1.551,000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 7.558,044 | 7.558,044 | | 6.331,800 | 1.226,244 |
| 2 | Kinh phí hoạt động kinh tế | 7.858,000 | 7.858,000 | 0 | 7.858,000 | 0 |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 0 | 0 | | 0 | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 7.858,000 | 7.858,000 | | 7.858,000 | 0 |
| - | <i>Kinh phí sự đào tạo</i> | <i>1.635,000</i> | <i>1.635,000</i> | | <i>1.635,000</i> | <i>0</i> |
| - | <i>Kinh phí địa giới hành chính</i> | <i>1.553,000</i> | <i>1.553,000</i> | | <i>1.553,000</i> | <i>0</i> |
| - | <i>Kinh phí khen thưởng UBND tỉnh</i> | <i>4.670,000</i> | <i>4.670,000</i> | | <i>4.670,000</i> | <i>0</i> |

1.2. Chi ngân sách nhà nước cấp

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Số liệu báo cáo | Số liệu kiểm tra | Chênh lệch | Chi tiết từng đơn vị thuộc, trực thuộc | |
|------------|---|-------------------|-------------------|------------|--|------------------|
| | | | | | Phòng HC - TH Sở | Ban Tôn giáo |
| 1 | 2 | 3 | 4 =6+7 | 5=4-3 | 6 | 7 |
| I | Tổng chi ngân sách | 22.000,404 | 22.000,404 | 0 | 19.388,115 | 2.612,289 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 15.815,765 | 15.815,765 | 0 | 13.203,477 | 2.612,289 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 9.169,000 | 9.169,000 | | 7.618,000 | 1.551,000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 6.646,765 | 6.646,765 | | 5.585,477 | 1.061,289 |
| 2 | Chi sự nghiệp đào tạo | 1.385,054 | 1.385,054 | 0 | 1.385,054 | 0 |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 0 | 0 | | 0 | 0 |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 1.385,054 | 1.385,054 | | 1.385,054 | |
| 3 | Chi hoạt động kinh tế | 4.799,584 | 4.799,584 | 0 | 4.799,584 | 0 |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 0 | 0 | | 0 | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 4.799,584 | 4.799,584 | | 4.799,584 | |
| - | <i>Kinh phí địa giới hành chính</i> | <i>130,064</i> | <i>130,064</i> | | <i>130,064</i> | |
| - | <i>Kinh phí khen thưởng UBND tỉnh</i> | <i>4.669,520</i> | <i>4.669,520</i> | | <i>4.669,520</i> | |
| II | Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2022 | 40,898 | 40,898 | | 40,898 | 0 |
| 1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 0 | 0 | | 0 | |
| 2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 40,898 | 40,898 | | 40,898 | |
| III | Kinh phí không sử dụng hết, hủy dự toán cuối năm | 2.663,742 | 2.663,742 | | 2.498,787 | 164,955 |
| 1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (<i>tiết kiệm 10% lần 2</i>) | 163,000 | 163,000 | | 120,000 | 43,000 |
| 2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 2.500,742 | 2.500,742 | | 2.378,787 | 121,955 |

2. Kiểm tra kết quả sử dụng nguồn kinh phí giao thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm

a) Kết quả sử dụng kinh phí

- Tổng kinh phí giao thực hiện tự chủ: 9.196,0 triệu đồng
- Số kinh phí thực hiện: 8.294,760 triệu đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được: 901,240 triệu đồng (*trong đó: tiết kiệm tại Sở 709,950 triệu đồng, tại Ban Tôn giáo 191,290 triệu đồng*).
- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 0,1% so với dự toán được giao trong năm.

b) Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, người lao động

- Chi thu nhập tăng thêm của công chức và nhân viên hợp đồng của Sở được xác định căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan:
- Về phương pháp xác định thu nhập tăng thêm:
 - + Công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xếp loại A, hệ số tính thu nhập tăng thêm là 1,0
 - + Công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được xếp loại B, hệ số tính thu nhập tăng thêm là 0,8
 - + Công chức hoàn thành nhiệm vụ được xếp loại C, hệ số tính thu nhập tăng thêm là 0,5

Tiền thu nhập tăng thêm được tính căn cứ vào hệ số thu nhập tăng thêm và số tháng thực tế làm việc.

3. Kết quả kiểm tra việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước

Trong năm 2021, Sở Nội vụ mua sắm 07 tài sản công, trong đó: 06 máy móc thiết bị văn phòng nguyên giá: 107,690 triệu đồng; 01 phần mềm chấm điểm cải cách hành chính nguyên giá: 849,0 triệu đồng.

Quy trình mua sắm tài sản được thực hiện theo đúng quy định. Việc mua sắm trang thiết bị, tài sản công thực hiện theo Luật Đấu thầu; Nghị định 63/2014/NĐ-CP, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Trình tự, thủ tục về mua sắm, thanh lý tài sản công thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền đã được phân cấp tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum. Đồng thời thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí trong mua sắm tài sản công. Tất cả các gói mua sắm tài sản đều thực hiện đúng quy định về đấu thầu mua sắm tài sản, tổ chức thực hiện nghiệm thu, lập biên bản và bàn giao tài sản cho các đơn vị, mở sổ theo dõi và đưa vào sử dụng theo quy định; công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định.

Đơn vị đã triển khai xây dựng quy chế sử dụng, quản lý tài sản công tại đơn

vị thuộc và trực thuộc Sở²; phân công công chức Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở (Đ/c Phó trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở) theo dõi công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị.

4. Kiểm tra việc Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc; nhà, đất công vụ, xe ô tô

- Sở Nội vụ hiện theo dõi, quản lý 04 nhà làm việc tại địa chỉ số 240 đường Bà Triệu, Phường Quang Trung, TP Kon Tum. Hiện nay bố trí nơi làm việc Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ và làm Kho lưu trữ lịch sử tỉnh. Hằng năm Sở Nội vụ cập nhập giá trị Quyền sử dụng đất theo đơn giá và hệ số điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt để theo dõi, đồng thời báo cáo Sở Tài chính theo quy định.

- Công tác sắp xếp lại nhà, đất công vụ thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Sau khi sáp nhập các đơn vị trực thuộc (*Ban Thi đua Khen thưởng, Chi cục Văn thư lưu trữ*) về phòng thuộc Sở theo Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các đơn vị hành chính thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum. Sở đã tiếp nhận tài sản của các đơn vị và tiến hành phân bổ, sắp xếp lại tài sản theo đúng nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn thuộc Sở. Ngoài ra, đơn vị đã rà soát, kiểm tra và đánh giá toàn bộ giá trị của các loại tài sản (*tài sản hư hỏng nặng, không còn giá trị sử dụng; tài sản còn giá trị thấp*) đồng thời đề xuất phương án thanh lý tài sản, hủy bỏ tài sản theo đúng quy định về phân cấp quản lý, mua sắm tài sản theo Nghị quyết 21/2018/NQ-HĐND. Năm 2021 đơn vị đã kiểm tra, rà soát và lập thủ tục hủy bỏ 33 tài sản, 74 công cụ dụng cụ theo đúng quy định. Điều chuyển, tiếp nhận 03 tài sản (Máy điều hòa nhiệt độ) về cho Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ sử dụng (*02 cái từ các phòng chuyên môn thuộc Sở, 01 cái từ Ban Tôn giáo trực thuộc Sở*).

- Tài sản chờ thanh lý: 01 Xe ô tô Mercedes Benz của Chi cục Văn thư - Lưu trữ (*nay là Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ*), năm đưa vào sử dụng 2002 nguyên giá trên sổ kế toán 983.758.000 đồng, giá trị còn lại 0 đồng; Hệ thống mạng TH (LAN) 01 máy chủ và 03 máy con, năm đưa vào sử dụng 2006 nguyên giá trên sổ kế toán 158.779.000 đồng, giá trị còn lại 0 đồng.

5. Kết quả kiểm tra về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

Năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai thực hiện (điều chỉnh) chủ trương đầu tư công trình: Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

Tổng vốn được giao: 50 triệu đồng.

Tổng giá trị giải ngân (tạm ứng): 50 triệu đồng.

Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

6. Kết quả kiểm tra về công tác kế toán

- Quản lý sử dụng quỹ lương: Chấp hành đúng quy định về quỹ tiền lương được phê duyệt, phù hợp với biên chế được giao và nhiệm vụ được giao; Sử dụng

² Quyết định số 05/QĐ-BTG ngày 17 tháng 02 năm 2020; Quyết định số 107/QĐ-BTG ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Ban Tôn giáo; Quyết định số 451/QĐ-SNV ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Sở Nội vụ...

đúng mục đích đối với quỹ tiền lương; Hạch toán quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương: Đúng theo quy định.

- Công tác quyết toán: Căn cứ vào các quy định hiện hành, hàng năm Sở Nội vụ tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở, có biên bản quyết toán, phụ lục số liệu quyết toán và thông báo quyết toán cho từng đơn vị. Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính gửi Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh theo quy định.

- Công tác công khai: Sở Nội vụ tổ chức công khai tất cả các khoản dự toán ngân sách cấp và quyết toán kinh phí sử dụng hàng năm. Hình thức công khai là công khai trực tiếp đến công chức, người lao động tại hội nghị công chức, người lao động; niêm yết công khai tại cơ quan và đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở.

- Quản lý và sử dụng các khoản vốn bằng tiền: Tiền mặt tại quỹ, khớp đúng với sổ sách kế toán: Hàng tháng đơn vị có tổ chức đối chiếu kiểm quỹ tiền mặt cuối tháng, cuối năm; khóa sổ kế toán, kiểm kê quỹ tiền mặt cuối năm đối với tất cả các nguồn kinh phí theo quy định. Qua kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng và kiểm quỹ cuối ngày 31/12/2021 không có chênh lệch quỹ tiền mặt so với sổ sách kế toán.

+ Năm trước chuyển sang: 0 đồng;

+ Thu tiền mặt trong năm: 2.201.935.150 đồng

+ Chi tiền mặt trong năm: 2.201.935.150 đồng.

+ Số dư cuối năm: 0 đồng.

- Chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán được kiểm soát theo quy định khi trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt. Chứng từ sau khi chi tiền được kế toán phân loại và lưu trữ đầy đủ.

- Sổ sách kế toán: Hệ thống sổ sách kế toán thực hiện đúng quy định.

7. Kết quả kiểm tra việc tổ chức và lãnh đạo công tác tài chính, kế toán

Đơn vị đã phân công chức làm công tác kế toán đúng chuyên môn, nghiệp vụ (*Có bằng cấp, chứng chỉ đầy đủ, đáp ứng nhu cầu chuyên môn kế toán được giao*).

(*Có biên bản kiểm tra tại Ban Tôn giáo và tại Phòng Hành chính Tổng hợp kèm theo*)

III. KẾT LUẬN

- Dự toán các nguồn kinh phí được phân bổ kịp thời từ đầu năm, công khai theo quy định của pháp luật. Dự toán các nguồn kinh phí được công khai chi tiết để làm cơ sở cho lãnh đạo Sở điều hành và cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước kiểm soát chi; việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định; công tác quyết toán, thẩm tra quyết toán và công khai được thực hiện theo đúng thời gian quy định.

- Hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán thực hiện và lưu trữ ngăn nắp, đúng quy định. công chức làm công tác tài chính kế toán thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Đối với tình hình thực hiện dự toán được giao: Kinh phí còn thừa hủy dự toán cuối năm: 2.663,742 triệu đồng, trong đó (*Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên, 50% chi hội nghị công tác phí theo Nghị Quyết số 85/NQ-CP: 396,0 triệu đồng; Kinh phí chi các nhiệm vụ đặc thù, đột xuất 594,380 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng CBCC 249,945 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp địa giới hành chính 1.422,936 triệu đồng; kinh phí khen thưởng của UBND tỉnh 0,48 triệu đồng; kinh phí công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo 116,955 triệu đồng*). Đề nghị các đơn vị (Phòng Hành chính-Tổng hợp, Ban Tôn giáo), Kế toán Sở sớm rà soát, tổng hợp các nguồn kinh phí không thực hiện được trình Lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 11 hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, tránh tình trạng thừa kinh phí vào cuối năm.

Trên đây là báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ năm 2021./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (đ/b);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Ban Tôn giáo (t/h);
- Phòng Hành chính-Tổng hợp (t/h);
- Lưu: VT, HCTH.

TỔ TRƯỞNG

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Thành Chung